

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY TNHH XE MÁY BẢO MINH
- 1.2. Địa chỉ: Số 76, Đường TK2, Khu dân cư Hoàng Hải, Ấp Tiền Lân, Xã Bà Diễm, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽¹⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: MXKING 150
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): T150
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 20KXM/262292
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3461/NETC-M/20/C, Ngày 13/4/2020.

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 118 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 269 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: G3E6E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,79 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 11,3/8500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 5
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,833/1,875/1,429/1,143/0,957
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,000
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/80-17M/C áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/70-17M/C áp suất lốp: 225 kPa



2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 110 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010~~/TCVN 9726:2013 ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,246 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

HCM, ngày 28 tháng 5 năm 2020.
Công ty TNHH XE MÁY BẢO MINH



Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hải